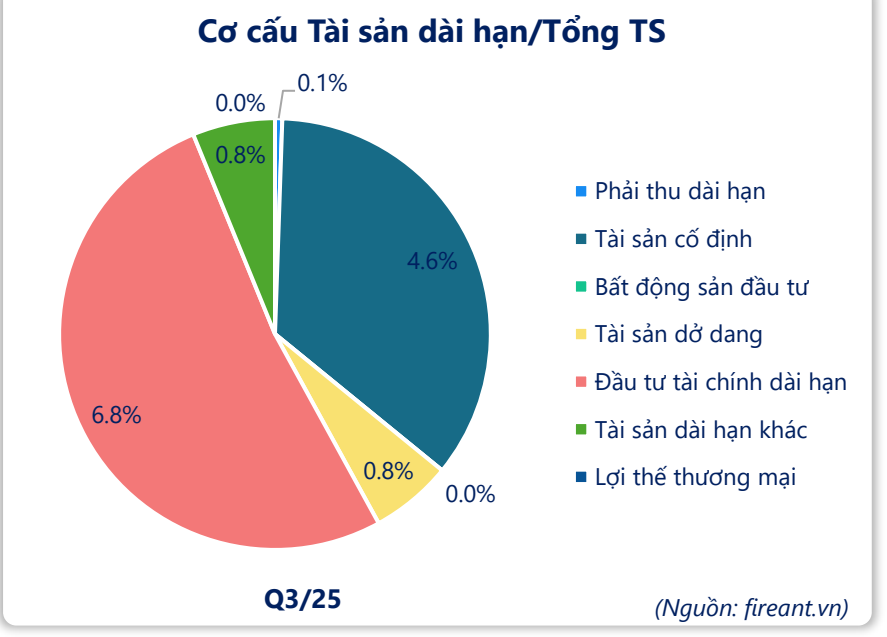
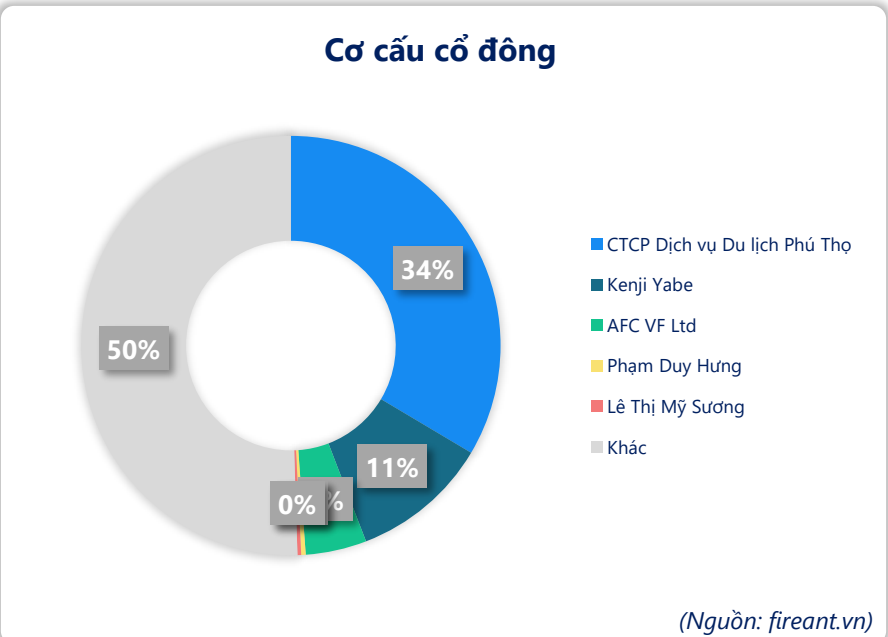
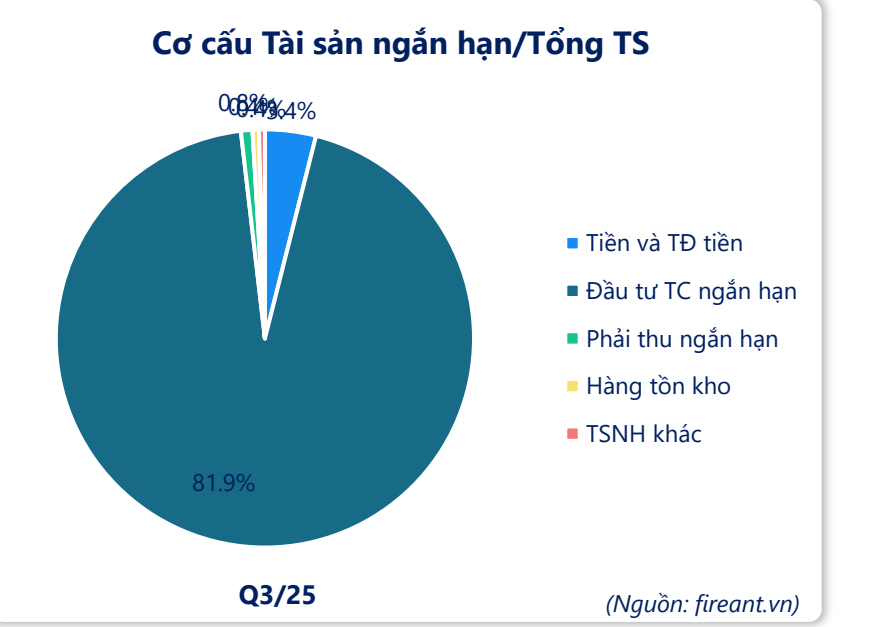
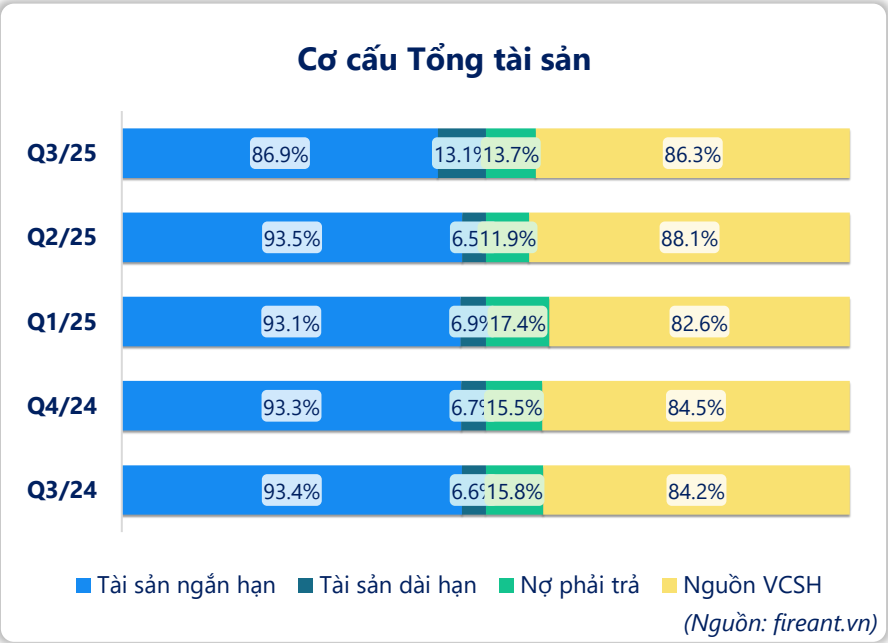
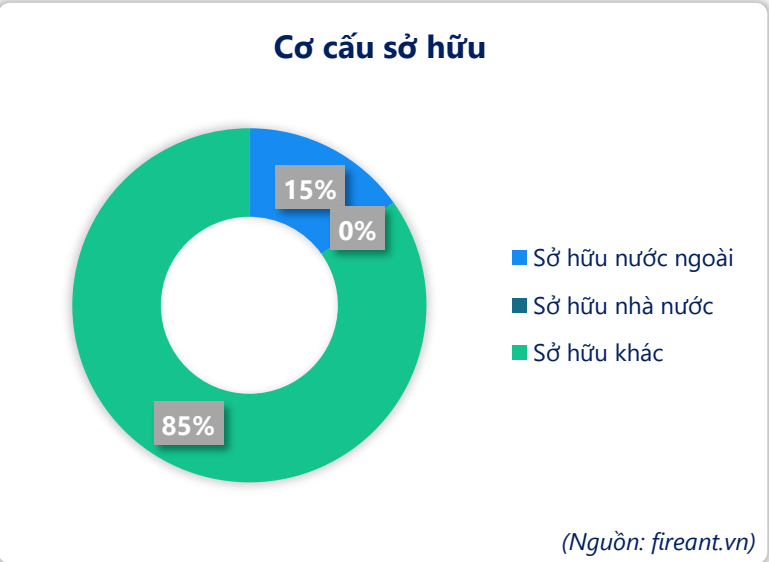
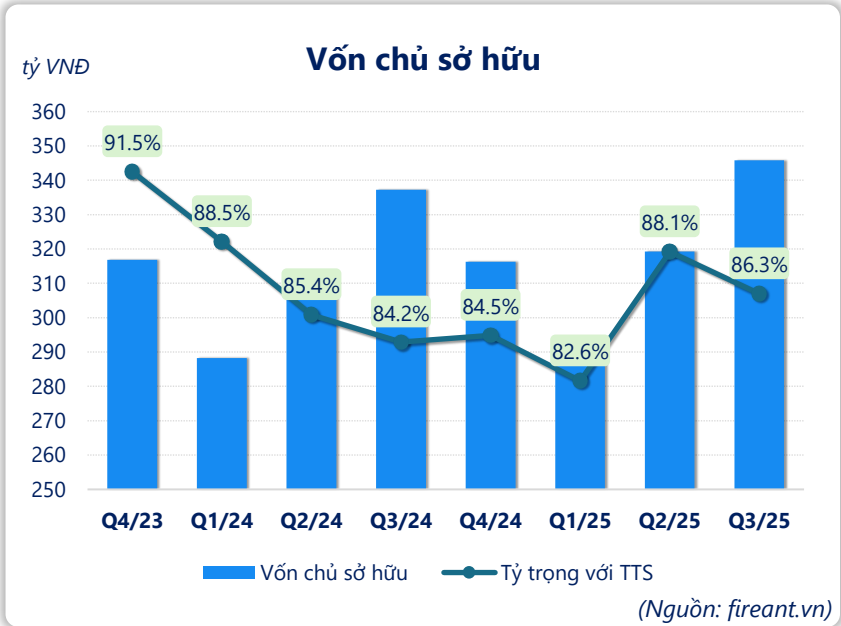
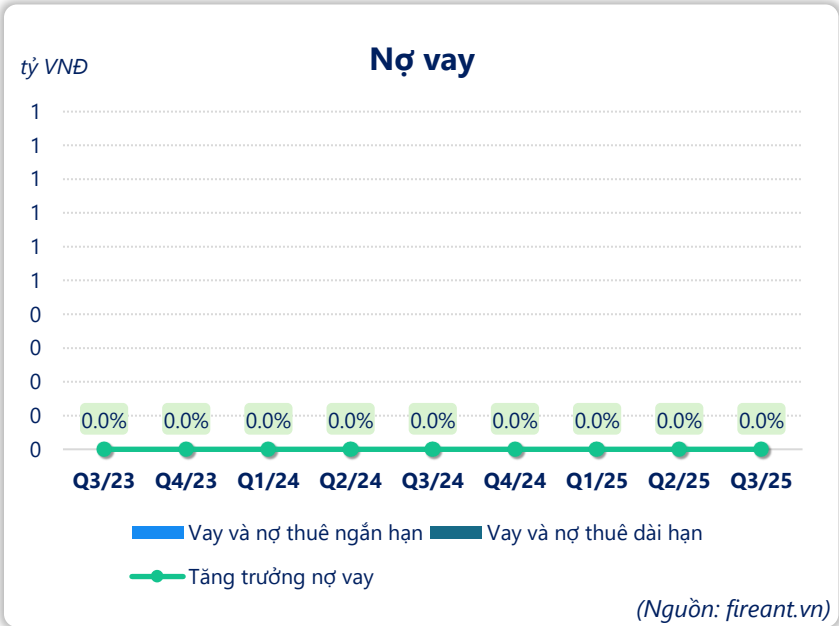
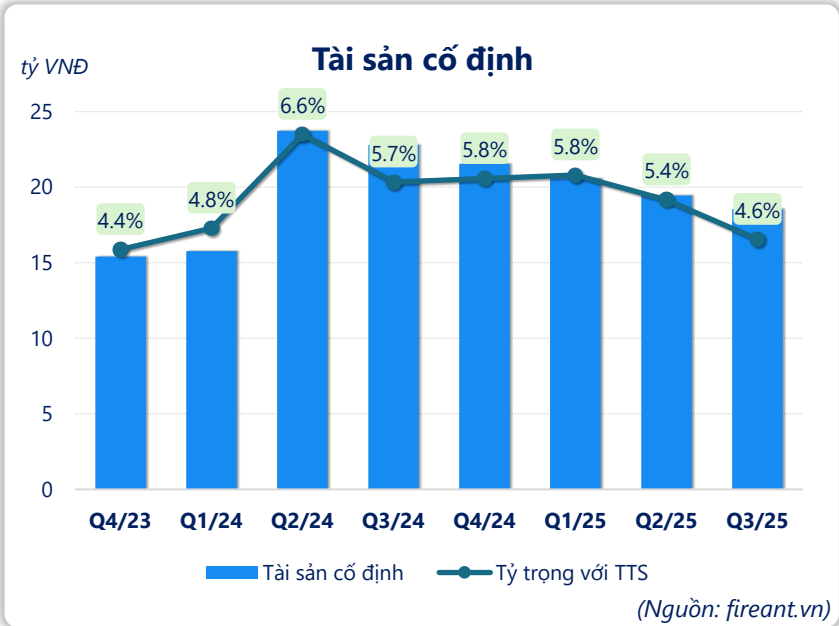
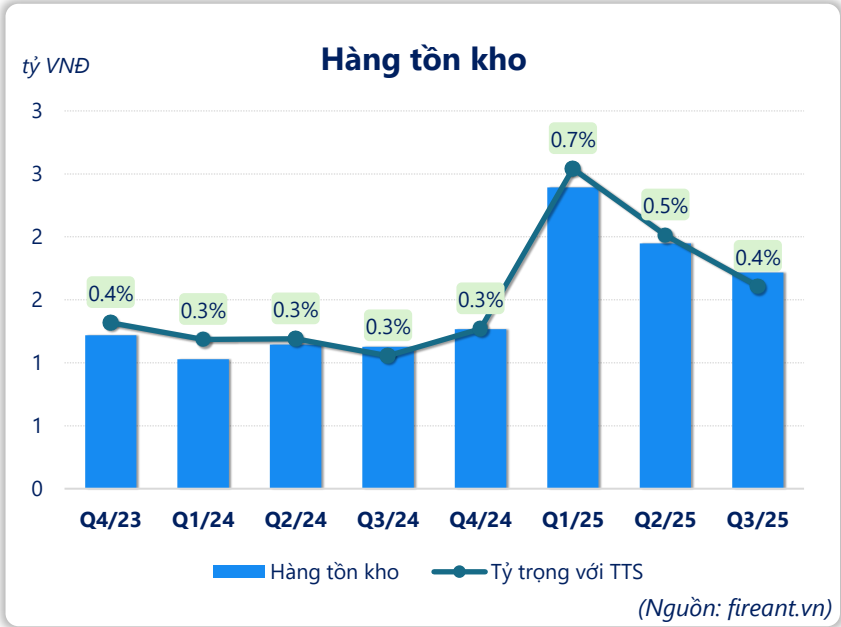
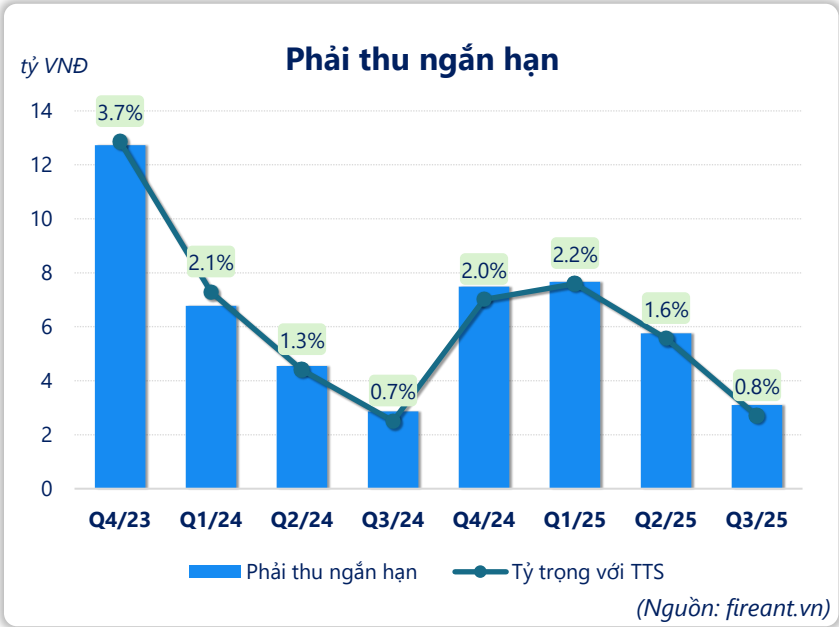
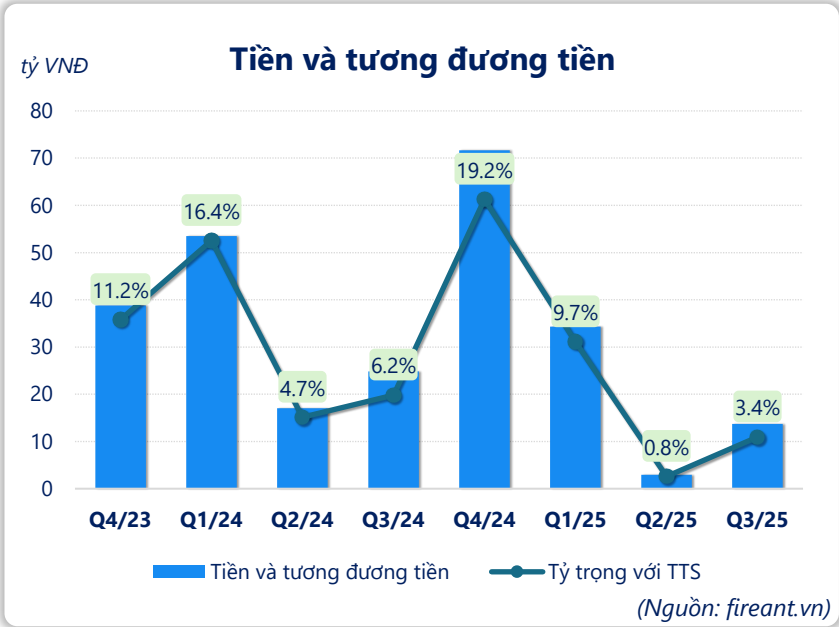
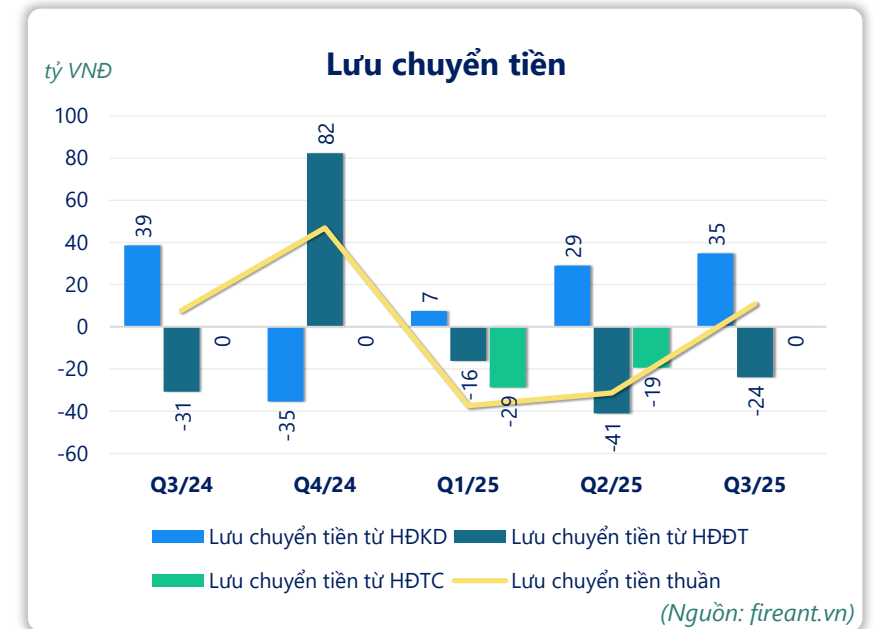
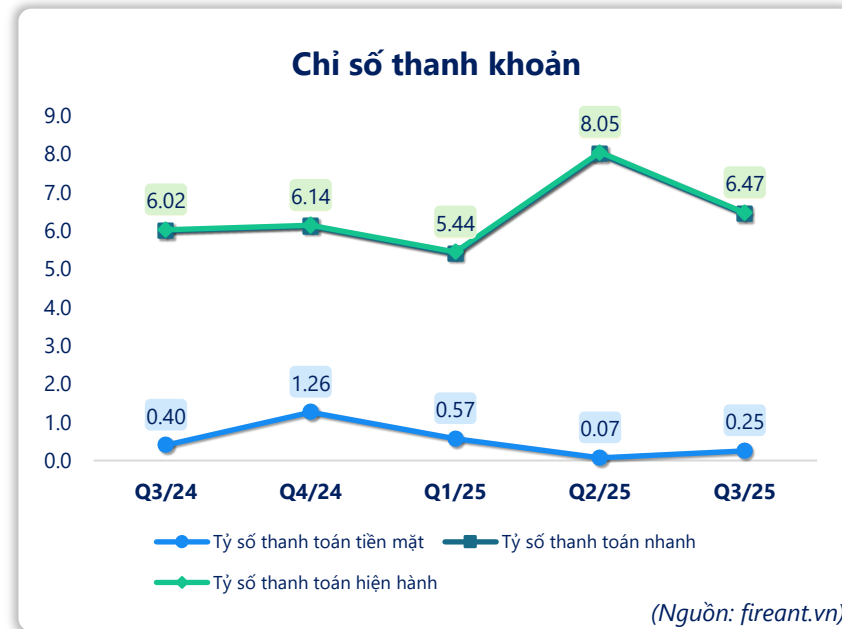
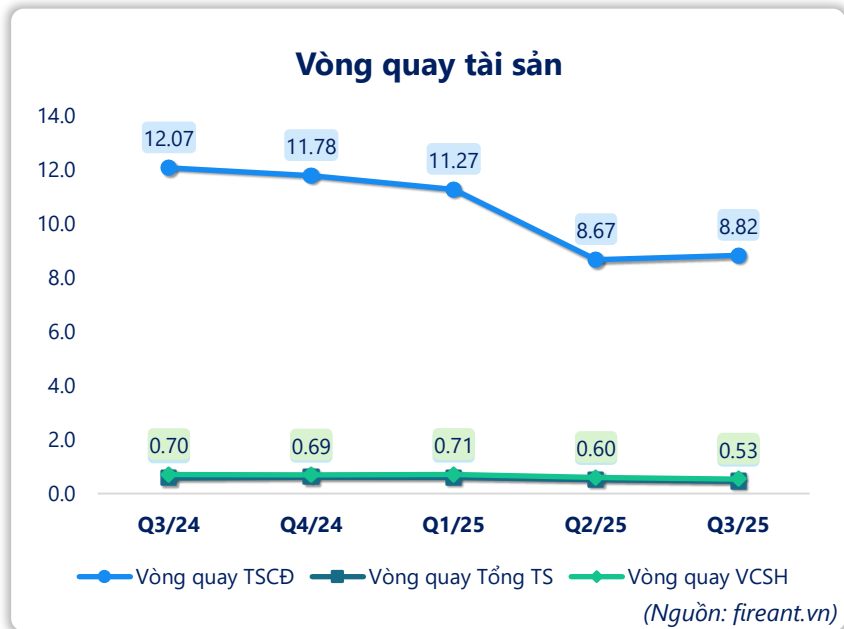
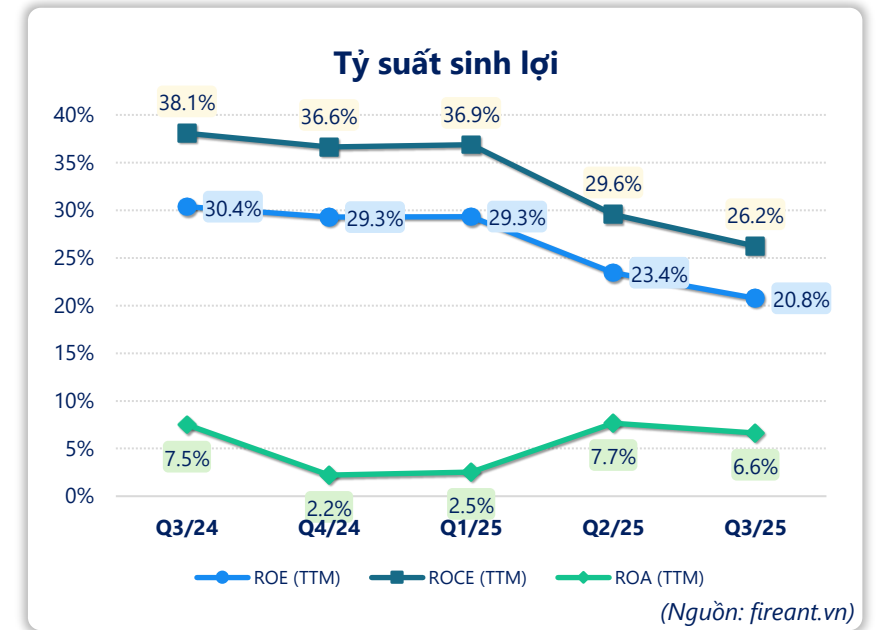
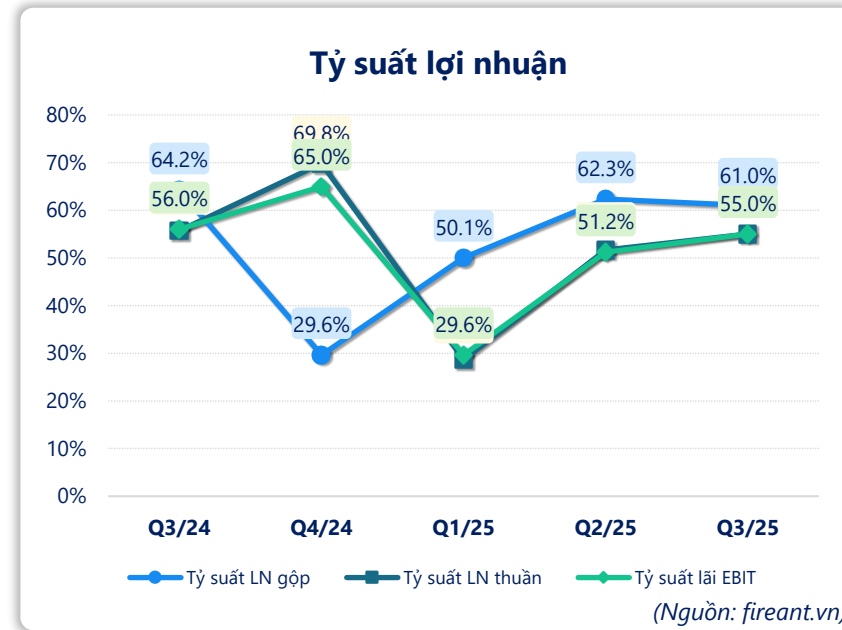
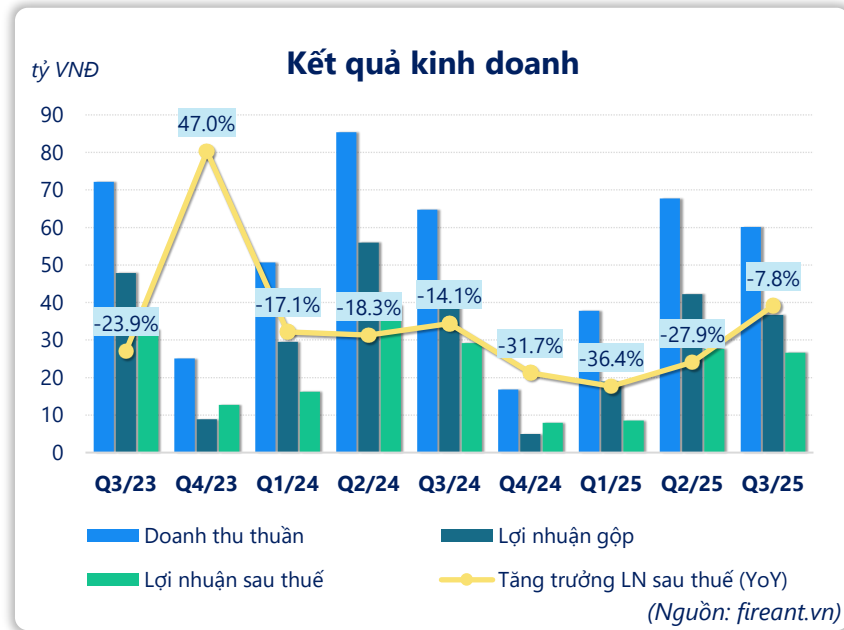


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		44,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		53,324
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		44,800
SL cổ phiếu LH		12,083,009
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,620
% sở hữu nước ngoài		15.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		541
P/E		7.6
EPS		5,869

	YTD	1T	3T	6T
DSN	-14.0%	-0.4%	-3.6%	-10.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	401	374	7.1%
Tài sản ngắn hạn	348	349	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	13.7	71.7	-80.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	328	267	23.1%
Phải thu ngắn hạn	3.09	7.49	-58.7%
Hàng tồn kho	1.72	1.27	35.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.61	1.85	-13.2%
Tài sản dài hạn	52.5	25.2	108%
Phải thu dài hạn	0.29	0.29	0.0%
Tài sản cố định	18.6	21.5	-13.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.22	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	27.2	0	
Tài sản dài hạn khác	3.25	3.39	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	55.0	57.9	-5.1%
Nợ ngắn hạn	53.8	56.8	-5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.63	0.75	118%
Nợ dài hạn	1.14	1.06	7.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	346	316	9.4%
Vốn chủ sở hữu	346	316	9.4%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	64.8	16.8	37.8	67.7	60.2
Giá vốn hàng bán	23.2	11.8	18.9	25.5	23.5
Lợi nhuận gộp	41.6	4.99	18.9	42.2	36.7
Doanh thu HĐTC	3.99	10.9	0.33	1.85	5.45
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.92	1.58	3.77	3.39	3.69
Chi phí QLDN	5.55	2.55	4.63	5.66	5.35
LN thuần từ HĐKD	36.1	11.8	10.8	35.0	33.1
Lợi nhuận khác	0.19	-0.82	0.36	-0.35	0.00
LN trước thuế	36.3	10.9	11.2	34.7	33.1
Lợi nhuận sau thuế	29.2	7.98	8.58	27.7	26.6
LNST của CĐ cty mẹ	29.2	8.00	8.60	27.7	26.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.5	-35.4	7.48	29.0	34.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.7	82.2	-16.1	-41.0	-23.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.06	-0.01	-28.7	-19.4	-0.10
Tiền đầu kỳ	17.0	24.8	71.7	34.3	2.94
Lưu chuyển tiền thuần	7.76	46.9	-37.4	-31.4	10.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.8	71.7	34.3	2.94	13.7

(Nguồn: fireant.vn)